

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm 1985; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 17/10/2022, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Hữu Đ do quen biết và được gia đình đồng ý cho kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 18/7/2005. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không hạnh

phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2019. Chị M yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung, con thứ nhất tên Nguyễn Minh T sinh ngày 17/01/2006, con thứ hai tên Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2015, hiện cháu T sống với anh Đ, cháu Q đang sống với Chị M. Chị M yêu cầu Tòa án giao Chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q vì cháu Q đang sống với chị, giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu T vì cháu T hiện đang sinh sống với anh Đ. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ vắng mặt,

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu Tòa án xem xét giao nuôi dưỡng con chung mỗi người 01 cháu. Trong đó, Chị M yêu cầu Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2015 (cháu Q đang sống với Chị M), yêu cầu Tòa án giao cho anh Đ nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 17/01/2006 (Cháu T đang sống với anh Đ) và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị M và anh Đ thể hiện tình trạng trầm trọng do đã ly thân và không còn sống chung, không hòa giải đoàn tụ được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hiện phương án hay điều kiện gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14, xét xử cho chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Nguyễn Hữu Đ được ly hôn và giao cho Chị M tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2015 (cháu Q đang sống với Chị M); giao cho anh Đ nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 17/01/2006 (Cháu T đang sống với anh Đ) và ghi nhận ý kiến của Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Bạch M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Hữu Đ, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy anh Nguyễn Hữu Đ có địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Hữu Đ, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 18/7/2005. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2019. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm anh Đ không có ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ, và vắng mặt không tham dự hòa giải, công khai tài liệu chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm.

- Về con chung: Chị M và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 17/01/2006, con thứ hai tên Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2015, hiện cháu T sống với anh Đ, cháu Q đang sống với Chị M.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa Chị M và anh Đ có dấu hiệu trầm trọng, không còn chung sống chung, không cùng chăm lo con cái, mỗi người nuôi dưỡng một con chung, gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có phương án hay điều kiện gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không còn yêu thương nhau; những mâu thuẫn giữa vợ, chồng không thể hòa giải được; quan hệ vợ chồng rạn nứt đến nỗi không thể hàn gắn được; việc vợ chồng tiếp tục chung sống làm ảnh hưởng xấu tới cuộc sống của những thành viên trong gia đình, đặc biệt là tới việc chăm sóc, giáo dục con cái; sự tồn tại quan hệ hôn nhân đó không thể xây dựng được một gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xét thấy cần thiết cho Chị M và anh Đ ly hôn với nhau.

[5] Về quan hệ con chung: Hiện tại hai con chung của Chị M và anh Đ đã được Chị M và anh Đ chia một cháu sống với Chị M, một cháu sống với anh Đ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định đời sống, sinh hoạt, tinh thần và sự phát triển cho các cháu, xét thấy cần tiếp tục giao cho anh Đ và Chị M nuôi một con chung phù hợp với yêu cầu của Chị M. Do cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 17/01/2006 đang sống

với anh Đ nên giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2015, đang sống với Chị M nên giao Chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của Chị M cần ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị M khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị M.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bạch M.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bạch M được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho anh Nguyễn Hữu Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 17/01/2006, hiện cháu T đang sống với anh Đ.

+ Giao cho chị Nguyễn Thị Bạch M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2015, hiện cháu Q đang sống với Chị M.

+ Ghi nhận việc Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Anh Đ, Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002735 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Xem như Chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Nguyễn Hữu Đ được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C.
- Phòng Tư pháp thị xã C;
- UBND Phường N;
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp